

## XÂY DỰNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

NGUYỄN THỊ BÌNH\*

### TÓM TẮT

*Phát triển bền vững trên nền tảng tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường là đòi hỏi tất yếu trong quá trình phát triển các ngành và vùng. Bài viết này tập trung luận giải những vấn đề cốt lõi của phát triển bền vững khu công nghiệp (KCN), đề xuất hệ thống các tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững KCN Đồng Nai.*

### ABSTRACT

#### ***Building some criteria to evaluate the sustainable development in the Dong Nai industrial zones***

*Sustainable development on the basis of economic, social development and environmental protection is a dispensable requirement in the process of industrial and regional development. This article is about discussing a number of key issues of sustainable development in the industrial zones, and suggesting some evaluative criteria for the sustainable development in the Dong Nai industrial zones.*

### **1. Quan điểm về phát triển bền vững các khu công nghiệp ở Việt Nam**

Phát triển bền vững các KCN được đặt trong tổng thể phát triển bền vững đất nước, trong đó lưu ý tới tính đặc thù của các KCN là hình thức tổ chức không gian lãnh thổ công nghiệp. Theo cách luận giải này, phát triển bền vững KCN là việc đảm bảo sự tăng trưởng ngành công nghiệp ổn định theo thời gian, tăng trưởng dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động và hiệu quả nội tại KCN chứ không phải chỉ dựa trên sự gia tăng của các yếu tố đầu vào. Sự tăng trưởng công nghiệp phải gắn liền với bảo vệ, nâng cao chất lượng môi trường sống và khai thác hợp lý các nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên, khoa học kỹ thuật cũng như những đảm bảo ổn định, an ninh, quốc phòng trong

khu vực có KCN [1].

Về khía cạnh lý thuyết cũng như thực tiễn, có hai vấn đề cần làm rõ khi xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững KCN tại Đồng Nai như sau:

Thứ nhất, trên góc độ quản lý nhà nước cũng như góc độ tiếp thị năng lực thu hút đầu tư của các KCN, tác giả bài viết cho rằng phải đánh giá tính bền vững trong phát triển các khu công nghiệp, đặc biệt trong điều kiện ở Việt Nam, do quá trình hình thành và phát triển các KCN chưa được lâu, mục tiêu chủ yếu tập trung vào việc thu hút vốn đầu tư, cơ chế chính sách và các định chế quản lý các KCN chưa nhất quán và thiếu đồng bộ, chưa có chuẩn qui định và chuẩn đánh giá về KCN. Việc điều hành công tác quản lý KCN còn nhiều bất cập, các điều kiện hình thành các KCN khác nhau nên chúng cũng có những thuận lợi và khó

\* ThS, Khoa Địa lí  
Trường Đại học Sư phạm TP HCM

khác nhau. Do đó, cần thiết phải xây dựng hệ thống đánh giá phát triển bền vững KCN chung cho Việt Nam để làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách và quản lý hoạt động của các KCN ở các địa phương trong cả nước.

Thứ hai, sự phát triển bền vững của một KCN không chỉ phản ánh thông qua những kết quả đạt được theo các tiêu chuẩn bền vững nội tại của KCN, mà còn phải được thể hiện ở vai trò tạo ra các tác động lan tỏa tích cực đối với các nhóm lợi ích liên quan (các doanh nghiệp đối tác, địa phương, khu vực có KCN). Tác động lan tỏa (spillover effect), còn được gọi là hiệu ứng lan tỏa, được các nhà nghiên cứu kinh tế trên thế giới đề cập từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, khi bàn về ảnh hưởng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và của các công ty đa quốc gia tới các nước tiếp nhận đầu tư, mà thường là các nước kém phát triển hơn, nhưng có nguồn lao động rẻ và một số lợi thế về thị trường tiêu thụ.

Khái niệm tác động lan tỏa được sử dụng trước hết để đề cập đến những ảnh hưởng tích cực của FDI đối với nền kinh tế của các nước tiếp nhận đầu tư.

Tác động lan tỏa của các KCN được thể hiện trên ba khía cạnh khác nhau đối với doanh nghiệp trong nước, cả trong và ngoài KCN:

(1) Vai trò của FDI tại các KCN trong việc chuyển giao công nghệ và phương pháp quản lý tiên tiến cho các doanh nghiệp liên kết trong nước;

(2) FDI thúc đẩy việc nâng cao trình độ của nguồn nhân lực trong nước để tiếp nhận và áp dụng hiệu quả các

công nghệ sản xuất và kinh nghiệm quản lý;

(3) Vai trò của KCN thúc đẩy mối liên kết ngược (backward linkage) giữa các doanh nghiệp FDI với các nhà cung ứng trong nước.

Mối liên kết này thường được thể hiện ở hai dạng: nguyên liệu đầu vào tại địa phương và nguồn cung cấp linh kiện, phụ tùng trong nước từ các doanh nghiệp của ngành công nghiệp phụ trợ. Việc hình thành và phát triển mối liên kết ngược này phụ thuộc rất nhiều vào phạm vi và trình độ của các ngành công nghiệp trong nước.

Trên thực tế, tác động lan tỏa của KCN được thể hiện trên các mặt: tạo sự chuyển biến tích cực trong cơ cấu ngành kinh tế theo định hướng xuất khẩu, hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật và xã hội cho khu vực có KCN, góp phần giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực đến các vấn đề xã hội, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, hạn chế ô nhiễm và cải thiện môi trường trong quá trình phát triển KCN.

Như vậy, từ các phân tích trên đây, phát triển bền vững KCN ở Đồng Nai phải được xem xét trên hai mặt: Trước tiên là mức độ bền vững trong hoạt động của KCN thông qua hiệu quả kinh doanh cao của các doanh nghiệp trong KCN, thứ hai là tác động lan tỏa tích cực của KCN đến hoạt động kinh tế, xã hội và môi trường của các doanh nghiệp tại địa phương có KCN trên địa bàn tỉnh.

## **2. Xây dựng một số chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững các khu công nghiệp tại Đồng Nai**

Phát triển bền vững các KCN là yêu cầu quan trọng nhất, vì nó đảm bảo duy trì sự phát triển nhanh, liên tục của các KCN này. Chính việc duy trì sự hoạt động đó của bản thân KCN sẽ là cơ sở để gây ảnh hưởng lan tỏa tích cực đối với địa phương có KCN nói riêng và đối với nền kinh tế của tỉnh nói chung. Theo ý nghĩa trên, tác giả đề xuất một vài chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững các KCN tập trung vào những mặt sau đây:

### **2.1. Vị trí đặt KCN**

Đây là một trong những chỉ tiêu rất quan trọng và là cơ sở ban đầu dẫn đến sự thành công của khu công nghiệp và là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư khi quyết định đầu tư vào KCN. Vị trí thuận lợi của KCN được xem xét trên tổng thể các khía cạnh sau:

+ Khu công nghiệp được đặt ở vị trí thuận lợi, gần cảng biển, cảng hàng không, ga xe lửa;

+ Có cơ sở hạ tầng kỹ thuật thuận lợi như hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống lưới điện quốc gia, hệ thống thông tin, viễn thông;

+ Điều kiện về nguồn nhân lực dồi dào;

+ Chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thấp và được địa phương, các ngành hỗ trợ tạo điều kiện.

Những điểm trên phải được xem xét trên khía cạnh hiện tại và sự duy trì khả năng ấy trong tương lai. KCN đảm bảo được nhiều điều kiện thuận lợi thì khả năng thành công là rất cao và ngược lại nếu không đáp ứng được các yêu cầu trên thì sẽ rất khó khăn trong quá trình hình thành, phát triển và thu hút đầu tư và hiệu

quả đầu tư phát triển KCN sẽ thấp và rất dễ thất bại.

Chỉ tiêu này có lẽ chỉ mang tính định tính mà khó định lượng, bởi vì thực tế các khu công nghiệp ở Đồng Nai thường được quy hoạch ở những nơi có điều kiện về vị trí thuận lợi, sự thuận lợi mà chúng tôi muốn nói tới ở đây chính là nơi có cơ sở hạ tầng tốt, thuận lợi trong việc giao lưu ..., nơi có cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo cho việc phát triển công nghiệp, có nguồn nước đảm bảo cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt...

### **2.2. Quy mô đất đai KCN**

- Xét theo mục đích hình thành các KCN

Theo chỉ tiêu này, nếu việc hình thành các KCN để thu hút vốn đầu tư nước ngoài thì quy mô hiệu quả nằm trong khoảng 200 – 300 ha (đối với các KCN nằm trong khu vực thành thị và vùng kinh tế trọng điểm).

KCN có quy mô từ 200 – 400 ha đối với các KCN nằm trên địa bàn các tỉnh.

KCN có quy mô nhỏ hơn 100 ha đối với mục tiêu di dời các cơ sở công nghiệp trong thành phố, đô thị lớn tập trung vào KCN.

KCN có quy mô lớn hơn 100 ha đối với mục tiêu tận dụng nguồn lao động và thế mạnh tại chỗ của các địa phương.

KCN có quy mô từ 100 – 200 ha đối với mục tiêu kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Vì Đồng Nai là một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam lại gần với thành phố Hồ Chí Minh – một trung tâm kinh tế lớn của cả nước do đó theo

tác giả chúng ta chọn phương án tối ưu là 200 – 300 ha đối với một KCN.

- Xét theo tính chất và điều kiện hoạt động của KCN

Quy mô 300 – 500 ha đối với KCN đặt ở địa phương có cảng và nguồn nguyên liệu lớn hoặc hình thành với tính chất chuyên môn hóa sản xuất ổn định một số sản phẩm hàng hóa công nghiệp nặng.

Quy mô 50 – 100 ha là hợp lý đối với các KCN nằm xa khu đô thị với các điều kiện xa cảng biển, với tính chất hoạt động là tận dụng lao động...

Như vậy với chỉ tiêu này thì Đồng Nai sẽ rơi vào tiêu chí thứ nhất nghĩa là 300 – 500 ha/1 KCN.

Kết hợp cả hai tiêu chí mục đích và tính chất điều kiện hình thành thì một KCN ở Đồng Nai có diện tích 300 ha là tối ưu. Vì nó phù hợp với địa bàn một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm và có cảng lại liền kề với thành phố Hồ Chí Minh – một trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước.

### 2.3. Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp

Chỉ tiêu này đánh giá hiệu quả việc sử dụng tối ưu mặt bằng các KCN. Chỉ tiêu này nhằm xác định hiệu quả của việc khai thác và sử dụng đất có ích trên tổng diện tích được cấp phép theo dự án của KCN. Nó được tính bằng tổng diện tích đất trong KCN đã được các doanh nghiệp và dịch vụ thuê so với tổng diện tích đất công nghiệp dành để cho thuê của KCN. Tỷ lệ lấp đầy này không đòi hỏi phải đạt cao ngay từ đầu mà phải chia theo từng phân kỳ đầu tư và đánh giá theo từng giai đoạn. Thời kỳ đầu là thời kỳ đầu tư xây

dựng kết cấu hạ tầng khoảng 3 – 5 năm, tiếp sau đó là giai đoạn thu hút đầu tư và hoàn thiện các khu chức năng theo nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp thuê đất, thu hồi chi phí đầu tư, tạo việc làm cho người lao động... Theo kinh nghiệm của nhiều nước, thời gian để thu hồi kinh phí đầu tư xây dựng có thể kéo dài trong khoảng 15 – 20 năm, còn nếu sau khoảng 10 – 15 năm mà tỷ lệ lấp đầy thấp hơn 75% thì coi như KCN này không đạt hiệu quả kinh tế như kỳ vọng và không đảm bảo phát triển bền vững. Đối với Đồng Nai thì có 13/29 KCN đạt chỉ tiêu này. Cả 13 KCN này đều đã cho thuê từ 75% diện tích trở lên.

### 2.4. Hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN

Chỉ tiêu này bao gồm: tỷ lệ đóng góp GDP cho địa phương có KCN; hiệu quả sử dụng đất; doanh thu trên vốn đầu tư; xuất khẩu trên diện tích đất công nghiệp cho thuê và môi trường. Với chỉ tiêu này, chúng tôi lấy tiêu chí trung bình của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để so sánh.

- Tỷ lệ đóng góp GDP cho địa phương có KCN

Tỷ lệ % đóng góp vào GDP cho địa phương

$$= \frac{\text{Tổng giá trị sản lượng của KCN} \times 100\%}{\text{GDP địa phương}}$$

Tiêu chí này nhằm đánh giá khả năng và năng lực đóng góp của KCN vào việc tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng GDP của địa phương có KCN so với toàn tỉnh và cả nước (nếu cao hơn mặt bằng chung thì có thể coi là hiệu quả). Qua chỉ tiêu này, chúng ta có thể thấy được ảnh

hưởng của KCN đối với việc tăng quy mô GDP và tăng trưởng kinh tế địa phương để từ đó có cách nhìn nhận đúng trong việc cần thiết, hay chưa thực sự cần thiết trong xây dựng và phát triển các KCN và chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

- *Hiệu quả sử dụng đất*

Doanh thu bình quân/1 ha (triệu USD/ha) =  $\frac{\text{Tổng doanh thu}}{\text{Tổng diện tích đất KCN}}$

Tiêu chí này phản ánh hiệu quả sử dụng đất, nó phản ánh giá trị doanh thu bình quân trên một ha đất công nghiệp cho thuê của từng KCN trong phát triển kinh tế, tăng sản phẩm xã hội so với sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc các mục đích khác và so sánh giữa các KCN với nhau.

- *Doanh thu trên vốn đầu tư*

Tiêu chí này phản ánh hiệu quả của một đồng vốn đầu tư tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu (hiệu suất sử dụng vốn đầu tư).

Doanh thu bình quân/1 tr USD vốn đầu tư =  $\frac{\text{Tổng doanh thu}}{\text{Tổng số vốn đầu tư vào KCN}}$

- *Xuất khẩu trên diện tích đất công nghiệp cho thuê*

Tiêu chí này phản ánh tỷ lệ xuất khẩu trên một ha đất công nghiệp cho thuê của từng KCN và dùng để so sánh các KCN với nhau.

Tỷ lệ xuất khẩu/1ha (triệu USD/ha) =  $\frac{\text{Tổng doanh thu khu công nghiệp}}{\text{Tổng diện tích đất KCN cho thuê}}$

- *Môi trường*

Theo Vụ trưởng Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trước đây yêu cầu 100% các KCN phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn cho phép, nhưng trên thực tế các KCN ở nước ta mới đạt dưới 30% tiêu chí này. Do đó đối với Đồng Nai, chúng tôi đề nghị ít nhất 50% các doanh nghiệp trong KCN phải có hệ thống xử lý nước thải hoặc thải tập trung (trường hợp các doanh nghiệp sản xuất độc hại thì bắt buộc phải qua hệ thống xử lý chất thải tập trung của KCN đạt chất lượng cho phép trước khi thải ra môi trường).

**3. Kết luận**

Trên cơ sở tham khảo các bộ tiêu chí đang được áp dụng phổ biến trên thế giới như Bộ tiêu chí Phát triển bền vững Dow Jones [13] và Bộ tiêu chí của Tổ chức Sáng kiến toàn cầu GRI, tác giả đưa ra một số chỉ tiêu đánh giá mức độ phát triển bền vững KCN trong hoàn cảnh đất nước ta chưa có bộ chỉ tiêu thống nhất nào. Mặc dù có nhiều ý kiến xoay quanh vấn đề này, nhưng trong trường hợp Đồng Nai đang phải chịu nhiều thiệt thòi từ vụ “Vedan” thì tác giả thấy cần thiết phải xây dựng một số chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển các KCN để có thể áp dụng vào điều kiện cụ thể của Đồng Nai nhằm phân tích những lợi thế và hạn chế từ các hoạt động mà KCN mang lại cho địa phương dưới góc độ là người giảng dạy Địa lý.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Viện chiến lược và phát triển (2007), *Tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội Việt Nam – Nghệ thuật đảm bảo đất nước phát triển thành công trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
2. Đỗ Thị Minh Đức, Nguyễn Viết Thịnh (1998), *Định lượng và định tính trong nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội*, Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý, trang 50 – 59, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Vũ Đình Hòa (2007), *Tổ chức lãnh thổ kinh tế tỉnh Quảng Bình trong thời kỳ CNH – HĐH đất nước*, Luận văn cao học Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
4. Hội Địa lý Việt Nam (1995), *Tổ chức lãnh thổ*, Hội thảo khoa học, Hà Nội.
5. Vũ Tiên Lương (1993) *Tổ chức lãnh thổ công nghiệp chế biến Nông – Lâm – Thủy sản vùng Đông Nam Bộ*. Luận án phó tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
6. Đặng Văn Phan (?), *Tổ chức lãnh thổ - Một trong những đối tượng chủ yếu của địa lý kinh tế - xã hội trong thời kỳ chuyển tiếp sang thế kỷ XXI*, Trung tâm nghiên cứu miền Nam.
7. Hoàng Ngọc Phong (1994), *Tổ chức lãnh thổ sản xuất công nghiệp vùng Tây Nguyên*, Luận án phó tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
8. Vũ Thị Ngọc Phùng (chủ biên) (2005), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
9. Lê Bá Thảo (1996), *Cơ sở khoa học của tổ chức lãnh thổ Việt Nam*, Đề tài độc lập và trọng điểm cấp nhà nước, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Hà Nội.
10. Trần Văn Thông (1993), *Những định hướng chủ yếu của tổ chức không gian kinh tế vùng Nam Bộ trong quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế thị trường*, Luận án phó tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
11. Trung tâm Thông tin, tư liệu, đào tạo và tư vấn phát triển Hà Nội (2007) “*Tổ chức lãnh thổ trên địa bàn tỉnh*”, Đề tài khoa học cấp Bộ.
12. Trịnh Thanh Sơn (2004), *Tổ chức lãnh thổ trồng và chế biến sản ở các tỉnh Đông Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
13. <http://www.gs-audit.com>